

Bản án số:113/2020/HSST
Ngày: 21/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Thủy.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quý Minh Ánh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2020/HSST ngày 22/5/2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/QĐXX-ST ngày 17/7/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T; tên gọi khác: không; sinh năm 1989, tại: SS – Hà Nội; trú tại: xóm KT, xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Nguyễn Văn T (đã chết); vợ chồng có 02 con chung, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam – Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Bị cáo hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1943, trú tại: xóm KT, xã TT thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Vũ Thị Mi, sinh năm 1968, trú tại: Thôn T, xã ĐA, huyện VY, tỉnh YB (vắng mặt);

2. Anh Đinh Hồng P, sinh năm 1986, trú tại: Tổ dân phố ĐĐ, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

3. Anh Lê Văn L, sinh năm 1991, trú tại: Thôn NL, xã BS, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (vắng mặt);

* *Người chứng kiến*: Anh Lê Hồng T, sinh năm 1972, trú tại: Xóm KT, xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 15/01/2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại ngôi nhà số 809, đường quốc lộ 3 thuộc xóm KT, xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có vụ mua, bán dâm. Tổ công tác của Công an thị xã Phổ Yên đã tiến hành đến kiểm tra thì phát hiện trong ngôi nhà số 809 có 03 người gồm: Nguyễn Thị T, Vũ Thị M, Lê Văn L. Phía bên ngoài cửa ngôi nhà số 809 có Đinh Hồng P. Quá trình làm việc, Đinh Hồng P và Lê Văn L khai nhận P và L vừa thực hiện hành vi mua dâm tại ngôi nhà số 809, xóm KT, xã TT, thị xã Phổ Yên. Vũ Thị M khai nhận vừa thực hiện hành vi bán dâm cho anh Lê Văn L. Nguyễn Thị T khai nhận mình là người đã cung cấp địa điểm cho P, L, M mua bán dâm và tự nguyện giao nộp cho tổ công tác số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tổ công tác Công an thị xã Phổ Yên đã tiến hành lập biên bản sự việc về nội dung trên, tạm giữ số tiền 350.000đ gồm 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*), 01 (một) tờ tiền mệnh giá 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*) và 03 (ba) chiếc điện thoại di động của T, P, L.

Hồi 18 giờ 15 phút, ngày 15/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại ngôi nhà số 809 thuộc xóm KT, xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên phát hiện: 01 (một) lõi bao cao su, 02 (hai) vỏ bao cao su có nhãn hiệu Condom Hualei tại vị trí cạnh nhà vệ sinh sát mép tường phía nam của ngôi nhà; 01 (một) chiếc lõi bao cao su trên ô thoáng phía đông của nhà vệ sinh; 08 (tám) bao cao su có nhãn hiệu condom Hualei tại phòng ngủ thứ hai theo hướng từ ngoài cửa chính nhìn vào.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị T khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 15/01/2020, khi T đang ngồi chơi ở cửa ngôi nhà số 809 (là nhà của ông Nguyễn Minh H - bố chồng của T, hiện T đang quản lý, sử dụng ngôi nhà này) thì có

một xe taxi đến, trên xe có hai nam thanh niên (sau này T biết hai người này tên là L và P). L có xuống hỏi T là “Có gái không?”, ý là hỏi T xem có gái bán dâm ở nhà T không thì T bảo không vì T sợ, sau đó P tiếp tục hỏi thì T đồng ý gọi gái bán dâm đến để bán dâm cho hai người này. P và T thỏa thuận với nhau về mức giá 200.000đ/1 người/1 lần mua dâm. P đưa cho T số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) là tiền mua dâm tại nhà T. Sau đó T gọi điện cho một người tên T đến. T đi ra ngoài cửa nhìn thấy M, T hỏi M “Có đi với khách không” thì M đồng ý. Khoảng 03 phút sau thì T đến, P và T đi vào phòng ngủ sát nhà vệ sinh của nhà T để quan hệ tình dục. Sau đó thì M đến, M và L đi vào phòng ngủ thứ 2 từ ngoài cửa chính vào để quan hệ tình dục. Khoảng 5 phút sau thì T thấy P và T đi ra, P đi ra xe taxi ngồi, T có đưa cho T 100.000đ, T trả lại cho T 50.000đ, là tiền T vừa bán dâm xong, rồi T đi về. Khoảng 05 đến 07 phút sau thì M và L ra khỏi phòng thì Cơ quan công an đến kiểm tra phát hiện và lập biên bản sự việc như trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 350.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 03 chiếc điện thoại di động của T, P, L. 01lỗi bao cao su, 02 vỏ bao cao su có nhãn hiệu Condom Hualei tại vị trí cạnh nhà vệ sinh sát mép tường phía nam của ngôi nhà; 01 chiếc lỗi bao cao su trên ô thoáng phía đông của nhà vệ sinh; 08bao cao su có nhãn hiệu condom Hualei tại phòng ngủ thứ hai theo hướng từ ngoài cửa chính nhìn vào.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Bản Cáo trạng số 93/CT-VKSPY ngày 21/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị T về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị T: 01điện thoại di động OPPO màu đen và 350.000đ tiền thu lợi bất chính.

Tịch thu tiêu hủy: 02 lỗi bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei; 08 bao cao su nhãn hiệu Comdon Hualei chưa qua sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội bị cáo nhất trí với lời đề nghị của Viện kiểm sát,

không tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy việc làm của mình là sai, bị cáo rất ân hận, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất, xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Hành vi, quyết định tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người làm chứng, với vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Ngày 15/01/2020, tại ngôi nhà số 809 thuộc xóm KT, xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Minh H là bố chồng của bị cáo), ông H cho bị cáo T sử dụng để ở. Nguyễn Thị T đã để cho Đinh Hồng P, Lê Văn L, Vũ Thị M và người có tên là T thực hiện hành vi mua, bán dâm, thu lợi bất chính số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*). Hành vi, ý thức của Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Do đó bản cáo trạng số 93/CT-VKSPY ngày 21/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 327 quy định:

“1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. ...”

[3] *Xét tính chất vụ án, nguyên nhân, động cơ dẫn bị cáo đến việc phạm tội của bị cáo*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự công cộng, đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục, nếp sống văn minh, đạo đức xã hội của dân tộc. Song xuất phát từ hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng chết, bị cáo phải nuôi hai con còn nhỏ và đang ở chung cùng gia đình chồng, phải nuôi

bố mẹ chồng già yếu lại thường xuyên ốm đau, bệnh tật nên khi thấy có lợi, vì một phút thiếu suy bị cáo đã nhất thời phạm tội. Do vậy khi lượng hình cũng cần xem xét đến hoàn cảnh của gia đình bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp vừa để giáo dục bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động thuần túy, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được lỗi lầm của mình đã gây ra nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo có bố chồng là Nguyễn Minh H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và được hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và lời thỉnh cầu của bị cáo cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương mà không cần cách ly xã hội vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy phù hợp, được chấp nhận.

[5]. *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản. Do vậy miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[6]. *Vật chứng của vụ án gồm:* 01 điện thoại di động OPPO màu đen, đã qua sử dụng, (không kiểm tra tình trạng máy bên trong) thu giữ của bị cáo T bị cáo đã dùng vào việc phạm tội (liên lạc gọi điện cho đối tượng đến bán dâm) và 350.000đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm mà có. Do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước).

- 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu K1, ghi 01 lõi bao cao su đã qua sử dụng; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu K2, ghi 01 lõi bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu K3, ghi 08lõi bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei đều chưa qua sử dụng. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

[7]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. *Các hành vi khác*: Trong vụ án này, còn có người phụ nữ tên T là người bán dâm cho Đinh Hồng P nhưng T đã bỏ về trước. T không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của T ở đâu. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi của T và P để xử lý sau.

Đối với Lê Văn L và Vũ Thị M đã bị Công an thị xã Phổ Yên xử phạt hành chính về hành vi mua, bán dâm là thỏa đáng.

Đối với ông Nguyễn Minh H là bố chồng của bị cáo T, cho T quản lý và sử dụng nhà số 809. Quá trình điều tra xác định nhà đó thuộc sở hữu của ông Nguyễn Minh H. Ông H không biết việc T sử dụng ngôi nhà vào mục đích chứa mại dâm, nên không xử lý đối với ông H là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “*Chứa mại dâm*”.

1. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu K1, ghi 01 lời bao cao su đã qua sử dụng; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu K2, ghi 01 lời bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom

Hualei; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu K3, ghi 08 lõi bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei đều chưa qua sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước : 01 điện thoại di động OPPO màu đen, đã qua sử dụng, (không kiểm tra tình trạng máy bên trong) và 350.000đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo T.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 09/6/2020 và ủy nhiệm chi số 132 ngày 06/6/2020)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- CQĐT Công an thị xã Phổ Yên;
- THAHS;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã TT;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên)**

Hà Thị Thu Thủy